

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..85...../TH- TM

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2025

V/v: Kê khai giá dịch vụ khu vực  
Cảng lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP)

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và văn bản hướng dẫn số 132/CHHVN-VTDVHH ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc triển khai công tác kê khai giá dịch vụ tại cảng biển.

Căn cứ Hợp đồng số 319/2019/NSRP.E&C-PTSC/TH giữa Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn (NSRP) và Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) về việc NSRP đồng ý cho PTSC Thanh Hóa quản lý dịch vụ và thu phí tại cảng NSRP và Công văn số 0186/2024/NSRP-CO về việc Công bố biểu phí cảng biển cảng NSRP;

Công ty PTSC Thanh Hóa gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ cung cấp tại Cảng Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP như đính kèm).

Mức giá kê khai thực hiện từ ngày 01/02/2025.

Công ty PTSC Thanh Hóa xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Cty (để biết);
- NSRP (để p/h);
- Lưu VT, TM.

K. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU HOAN

- Họ tên người nộp văn bản: Trịnh Thị Bình
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai giá: Số 268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại liên lạc: 02373 900 333
- Email: ptscthanhhhoa@ptsc.com.vn
- Số fax: 02373 900 222

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ  
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số...85 /TH-TM ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ)

### I. MỨC GIÁ KÊ KHAI

#### 1. Mức giá kê khai

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kê khai kỳ liên kế trước (số 2170/TH-TM)		Giá kê khai kỳ này		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước
				Giá VAT 0%	Giá VAT 8%	Giá VAT 0%	Giá VAT 8%			
1.1	Dịch vụ buộc còi dây tàu đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa theo chiều dài lớn nhất của tàu được áp dụng như sau: 80 m < LOA ≤ 105 m 105 m < LOA ≤ 145 m 145 m < LOA ≤ 175 m LOA > 175 m	VNĐ	Bán lẻ	2.118.000 4.236.000 5.931.000 8.473.000	2.287.440 4.574.880 5.405.480 9.150.840	2.118.000 4.236.000 5.931.000 8.473.000	2.287.440 4.574.880 5.405.480 9.150.840	01/02/2025	0	0

✓

11/2/24 10:00:00



<b>1.5</b>	Mức giá sử dụng cầu bến đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa	VNĐ/ GT/ Giờ	Bán lẻ	15	16.2	15	16.2	01/02/2025	0	0
<b>1.6</b>	Mức giá sử dụng cầu bến đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế	USD/ GT/ Giờ	Bán lẻ	0.0031	0.0033	0.0031	0.0033	01/02/2025	0	0
<b>1.7</b>	Phí xếp dỡ container đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa áp dụng như sau: - Xếp dỡ container 20' rộng lên xuống tàu - Xếp dỡ container 20' có hàng lên xuống tàu - Đóng hàng và vận chuyển nội bộ container 20' - Xếp dỡ container 40' rộng lên xuống tàu - Xếp dỡ container 40' có hàng lên xuống tàu - Đóng hàng và vận chuyển nội bộ container 40'	VNĐ	Bán lẻ	218.000 427.000 559.000 331.000 627.000 1.118.000	235.440 461.160 603.720 357.480 667.160 1.207.440	218.000 427.000 559.000 331.000 627.000 1.118.000	235.440 461.160 603.720 357.480 667.160 1.207.440	01/02/2025	0	0
<b>1.8</b>	Phí xếp dỡ container đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế áp dụng như sau: - Xếp dỡ container 20' rộng lên xuống tàu - Xếp dỡ container 20' có hàng lên xuống tàu - Đóng hàng và vận chuyển nội bộ container 20' - Xếp dỡ container 40' rộng lên xuống tàu - Xếp dỡ container 40' có hàng lên xuống tàu - Đóng hàng và vận chuyển nội bộ container 40'	USD	Bán lẻ	35 59 24 47 89 48	38 64 26 51 96 52	35 59 24 47 89 48	38 64 26 51 96 52	01/02/2025	0	0

1.9	Phí trọn gói đối với tàu vận tải dầu thô (VLCC)	USD	Bán lẻ	108.216	108.216	01/02/2025	0	0
-----	---	-----	--------	---------	---------	------------	---	---

## 2. Quy định áp dụng thuế suất thuế GTGT:

### 2.1. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất 0%

Khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 0% khi nằm trong đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% tại Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, đồng thời đáp ứng đủ điều kiện áp dụng thuế suất GTGT 0% theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- “*Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:*
- *Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển.*
  - *Có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của tổ chức nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của người đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ hoặc các hình thức thanh toán khác được coi là thanh toán qua ngân hàng.”*

### 2.2. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất 8%:

Thuế suất thuế GTGT 8% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% được nêu ở mục 2.1.

## II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Biểu phí trên được áp dụng từ ngày 01/02/2025 cho các đối tượng sau:

- Các chủ tàu vận chuyển hàng hóa, container giữa các cảng biển tại Việt Nam với cảng NSRP (vận tải nội địa) hoặc giữa các cảng khác trên thế giới với cảng NSRP (vận tải quốc tế).
- Các chủ hàng có hợp đồng mua bán hoặc dịch vụ với NSRP.

✍

### III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BIỂU PHÍ

- Căn cứ vào Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024; và các Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024, số 810/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024, số 811/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024, số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Căn cứ vào Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024.

### IV. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

- Đồng tiền thu phí dịch vụ cảng biển được quy định bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Tất cả giá cước được thể hiện bằng đồng Việt Nam ngoại trừ có quy định khác.
- Trường hợp phải chuyển đổi từ đồng Đô la Mỹ (USD) sang đồng Việt Nam (VNĐ) quy đổi theo tỷ giá mua chuyên khoản do Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm xuất hóa đơn.

✍

